

Số: 3006 /QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách
năm 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2708/QĐ-BTP ngày 10/11/2023 Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Đại học Luật Hà Nội giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Thông báo số 1009/TB-BTP ngày 27/02/2025 của Bộ Tư pháp về việc thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán năm 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 265/TB-KTNN ngày 29/7/2025 của Kiểm toán Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm toán tại Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp ngày 24/9/2025 của Hội đồng Trường về phê duyệt kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Đại học Luật Hà Nội theo Biểu số 4, Biểu số 5 đính kèm.

Điều 2. Thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước đã được Bộ Tư pháp phê duyệt và Hội đồng Trường thông qua như sau:

1. Số liệu quyết toán nguồn thu hoạt động sự nghiệp:

- Tổng số thu hoạt động sự nghiệp: 334.015 triệu đồng, gồm: Trường Đại học Luật Hà Nội 333.255 triệu đồng, Trung tâm tư vấn pháp luật 760 triệu đồng.

- Tổng số chi từ nguồn thu được để lại: 212.368 triệu đồng, gồm: Trường Đại học Luật Hà Nội 211.695 triệu đồng, Trung tâm tư vấn pháp luật 673 triệu đồng.

- Số thu nộp NSNN (Thuế GTGT, thuế TNDN): 7.800 triệu đồng, gồm: Trường Đại học Luật Hà Nội 7.782 triệu đồng, Trung tâm tư vấn pháp luật 18 triệu đồng.

2. Số liệu quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp: Tổng số 10.905 triệu đồng, gồm:

- Miễn giảm học phí theo Nghị định số 85/2015/NĐ-CP: 4.561 triệu đồng.

- Hỗ trợ học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg: 1.231 triệu đồng.

- Đào tạo học sinh Hungari diện Hiệp định: 10,3 triệu đồng.

- Đào tạo lưu học sinh Lào diện Hiệp định: 4.908 triệu đồng.

- Đào tạo lưu học sinh Campuchia diện Hiệp định: 195 triệu đồng.

3. Nhận xét, kiến nghị

a) Nhận xét

- Đơn vị phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2024 của đơn vị tại thời điểm lập báo cáo. Trong đó, đã ngoại trừ sự ảnh hưởng của các vấn đề về giới hạn kiểm toán và những sai sót đã được Trường tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của KTNN.

- Công tác tài chính, kế toán: Xác định học phí hệ đại học vừa làm vừa học văn bằng 1 theo chương trình đào tạo chưa bao gồm học phần giáo dục thể chất và giáo dục QPAN; Chưa kịp thời xuất hóa đơn tài chính đối với hoạt động bán lẻ giáo trình, tài liệu; Chưa kịp thời ghi nhận doanh thu một số hoạt động; Hạch toán một số nội dung chưa đúng; Chưa thực hiện công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý, 6 tháng; Chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2024; số giảng viên vượt giờ là 276 người, trong đó có 143/276 giảng viên vượt trên 300 giờ.

- Việc thực hiện nghĩa vụ thuế: Chưa kịp thời ghi nhận doanh thu của một số hợp đồng liên kết đào tạo và khoản thù lao quản lý hoạt động bảo hiểm y tế được trích lại theo quy định; Kê khai giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc chưa đúng quy định.

- Việc trích lập và sử dụng các quỹ: chưa có quyết định trích lập quỹ hoạt động khoa học năm 2024.

- Công tác quản lý tài sản: Chậm lập Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công; chậm báo cáo phương án về việc sắp xếp lại nhà, đất năm 2024 đề nghị tiếp tục giữ lại sử dụng đối với trụ sở Phân hiệu; Công văn về việc triển khai thực hiện sắp xếp tài sản công là nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-

CP chưa đúng biểu mẫu quy định; Biên bản hiện trạng nhà, đất tại Phân hiệu lập năm 2023 thiếu đơn vị chủ quản là Trường Đại học Luật Hà Nội và một số nội dung chưa phù hợp; chưa hoàn thành kê khai dữ liệu tài sản nhà, đất cập nhật vào phần mềm quốc gia; Chưa xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng; chưa rà soát các Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê; Đề án cho thuê tài sản tại Phân hiệu Đắk Lắk dự kiến số trích khấu hao thiếu so với thực tế; Hiệu suất sử dụng cơ sở nhà, đất tại Phân hiệu Đắk Lắk cho công tác đào tạo còn thấp so với quy mô thiết kế.

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ và nội dung khác: Quy chế chi tiêu nội bộ quy định chi trả tiền lương làm thêm giờ cho tất cả giảng viên có số giờ vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy đến 200 giờ là chưa phù hợp quy định; Chưa rà soát hoạt động thỉnh giảng đảm bảo phù hợp thực tế; Một số nội dung chi từ quỹ bổ sung thu nhập còn mang tính hỗ trợ như hỗ trợ cho giảng viên; Hợp đồng lao động thực hiện dịch vụ công cộng (đơn vị cung cấp dịch vụ bảo vệ) chưa ghi cụ thể quyền lợi được đảm bảo của người lao động.

b) Kiến nghị Trường Đại học Luật Hà Nội

- Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, hạn chế nêu trên. Lưu ý triển khai thực hiện đối với công tác kê khai xác định doanh thu, thực hiện nghĩa vụ đối với NSNN; việc triển khai đào tạo trước khi ký kết hợp đồng liên kết; hạch toán kế toán; đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả; có phương án xử lý dứt điểm các khoản tạm ứng, công nợ kéo dài; kịp thời việc xuất hóa đơn đối với hoạt động bán lẻ giáo trình; công khai việc thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý, 6 tháng theo quy định; chậm xây dựng, trình phương án sắp xếp lại xử lý nhà, đất; thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với tất cả các cơ sở nhà đất thuộc phạm vi Trường đang quản lý; ...

- Thực hiện trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2024 là 15.444.750.486 đồng.

- Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ đối với một số nội dung để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành như: chi trả tiền làm thêm giờ đối với giảng viên có số giờ vượt định mức giờ chuẩn; các nội dung quy định chi từ quỹ bổ sung thu nhập theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng công tác phù hợp với quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Rà soát, sửa đổi quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu đối với quy định bù giờ giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hàng năm rà soát, cập nhật công tác giáo viên thỉnh giảng đảm bảo quản lý chặt chẽ, phù hợp thực tế và các quy định liên quan.

- Rà soát, bổ sung chương trình của đào tạo hệ vừa làm vừa học văn bằng 1 đảm bảo theo quy định.

- Phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ để rà soát, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo cam kết về việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Trường.

- Báo cáo Bộ Tư pháp việc sử dụng cơ sở nhà đất tại Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk để có giải pháp sử dụng hiệu quả tài sản, phù hợp mục đích giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Tài chính – Quản trị và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đảng ủy, Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Cục Kế hoạch-Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Phòng Thanh tra (để theo dõi);
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử của Trường;
- Lưu VT, TCQT.

HIỆU TRƯỞNG *N*



Đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

Chương: 014

QUYẾT TOÁN THU CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số **3006** /QĐ-ĐHLHN

ngày **25** /9/20**24** của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	334,015	334,015	0	0	0
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
a	Lệ phí A					
b	Lệ phí B					
						
1.2	Phí					
a	Phí A					
b	Phí B					
						
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	322,271	322,271	0	0	0
2.1	Thu từ dịch vụ đào tạo (học phí)	308,939	308,939			
2.2	Thu từ hoạt động dịch vụ hỗ trợ công tác đào tạo (tuyển sinh, cấp văn bằng...) và từ các dịch vụ khác (bán giáo trình, tài liệu; cho thuê ký túc xá; thu khác)	11,186	11,186			
2.3	Thu từ hoạt động cho thuê tài sản công theo Đề án đã được Bộ Trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt	2,146	2,146			
3	Thu sự nghiệp khác	11,745	11,745	0	0	0

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3.1	Thu từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn (hợp đồng tiền gửi)	10,985	10,985			
3.2	Thu từ Trung tâm Tư vấn pháp luật	760	760			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	212,368	212,368	96,527	9,082	118,615
<i>1</i>	<i>Chi từ nguồn thu phí được để lại</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1.1	Chi sự nghiệp ...	0	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	212,368	212,368	96,527	9,082	118,615
<i>3</i>	<i>Hoạt động sự nghiệp khác</i>					
C	Số thu nộp NSNN	7,800	7,800	0	0	0
<i>1</i>	<i>Số phí, lệ phí nộp NSNN</i>					
1.1	Lệ phí					
	Lệ phí A					
	Lệ phí B					
						
1.2	Phí					
	Phí A					
	Phí B					
						
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Thuế GTGT, Thuế TNDN)	7,800	7,800			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10,905	10,905	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5,802	5,802	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,802	5,802	0	0	0
-	Miễn giảm học phí theo Nghị định số 85/2015/NĐ-CP	4,561	4,561			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
-	Hỗ trợ học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	1,231	1,231			
-	Đào tạo học sinh Hungari diện Hiệp định	10	10			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu	0	0	0	0	0
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					
12	Viện trợ	5,103	5,103	0	0	0
12.1	Đào tạo cán bộ, học sinh Lào	4,908	4,908			
12.2	Đào tạo cán bộ, học sinh Campuchia	195	195			

HC

Biểu số 5 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài
Đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**
Chương: 014

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2024

(Kèm theo Quyết định số **3006** /QĐ-ĐHLHN
ngày **25** /9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Luật Hà Nội		Trung tâm Tư vấn pháp luật	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu				
I	Quyết toán thu				
A	Tổng số thu	333,255	333,255	760	760
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	322,271	322,271	0	0
2.1	Thu từ dịch vụ đào tạo (học phí)	308,939	308,939		
2.2	Thu từ hoạt động dịch vụ hỗ trợ công tác đào tạo (tuyển sinh, cấp văn bằng...) và từ các dịch vụ khác (bán giáo trình, tài liệu; cho thuê ký túc xá; thu khác)	11,186	11,186		
2.3	Thu từ hoạt động cho thuê tài sản công theo Đề án đã được Bộ Trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt	2,146	2,146		
3	Thu sự nghiệp khác	10,985	10,985	760	760

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Luật Hà Nội		Trung tâm Tư vấn pháp luật	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
3.1	Thu từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn (hợp đồng tiền gửi)	10,985	10,985		
3.2	Thu từ Trung tâm Tư vấn pháp luật		0	760	760
B	Chi từ nguồn thu được để lại	211,695	211,695	673	673
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	211,695	211,695	673	673
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
C	Số thu nộp NSNN	7,782	7,782	18	18
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0	0
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Luật Hà Nội		Trung tâm Tư vấn pháp luật	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Thuế GTGT, Thuế TNDN)	7,782	7,782	18	18
3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10,905	10,905	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5,802	5,802	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5,802	5,802		
-	Miễn giảm học phí theo Nghị định số 85/2015/NĐ-CP	4,561	4,561		

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Luật Hà Nội		Trung tâm Tư vấn pháp luật	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
-	Hỗ trợ học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	1,231	1,231		
	Đào tạo học sinh Rumani diện Hiệp định	10	10		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Trường Đại học Luật Hà Nội		Trung tâm Tư vấn pháp luật	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
9	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	<i>Chi Chương trình mục tiêu</i>				
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>				
11.2	Chi Chương trình mục tiêu				
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>				
12	<i>Viện trợ</i>	5,103	5,103	0	0
12.1	Đào tạo cán bộ, học sinh Lào	4,908	4,908		
12.2	Đào tạo cán bộ, học sinh Campuchia	195	195		

